

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – HÀ NỘI**

Bản án số: **60/2026/KDTM-ST**

Ngày: **22/7/2026**

“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Lại**

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông **Hoàng Mạnh Hùng**

- Bà **Bùi Thị Bích Vân**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lương Ngân Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải Yến** – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Nội.

Ngày 22 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 05/2026/TLST-KDTM ngày 05/01/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1165/2026/QĐXXST-KDTM ngày 25/6/2026 về việc *“Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”* giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:**

- **Ngân hàng TMCP V (V1)**

Địa chỉ: Số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Chí D** – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Đức L** – Trưởng phòng cao cấp Xử lý nợ pháp lý Khách hàng doanh nghiệp 01 – Trung tâm xử lý nợ pháp lý.

Ông Lê Đức L ủy quyền lại cho ông **Trần Đức T** (*Xin vắng mặt*).

- **Công ty Cổ phần J**

Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà C - Số B T, phường Y, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Hoàng Anh T1** – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Phúc T2** – Trưởng phòng XLN Auto.

Ông Nguyễn Phúc T2 ủy quyền lại cho ông **Sầm Văn T3** (*Có mặt*).

*** Bị đơn: Công ty Cổ phần V2 Hà Nội**

Địa chỉ: Số C ngõ C T, phường T, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Thị H** – Giám đốc (*Xin vắng mặt*).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị H**, sinh năm 1989

Nơi đăng ký thường trú: Xóm H, xã Đ, tỉnh Ninh Bình.

Nơi ở hiện nay: Nhà bà Vũ Thị T4, Tổ dân phố S, phường H, tỉnh Bắc Ninh (*Xin vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V (V1) trình bày:**

a. Thông tin khoản vay:

Công ty Cổ phần V2 Hà Nội vay vốn tại Ngân hàng TMCP V (V1) – Chi nhánh C theo Hợp đồng cho vay số 250717-3576490-01-SME ngày 27/7/2017 và Hợp đồng cho vay số 300917-3576490-01-SME ngày 02/10/2017 cùng các Khế ước nhận nợ kèm theo cụ thể như sau:

- Hợp đồng cho vay số 250717-3576490-01-SME ngày 27/7/2017 với số tiền vay là 856.700.000 đồng (T5 trăm năm mươi sáu triệu, bảy trăm nghìn đồng); Thời hạn cho vay: 60 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho bên vay; Mục đích sử dụng tiền vay để thanh toán tiền mua ô tô theo Hợp đồng mua bán xe ô tô số 0717A/2017/HĐMB-TM/CNGP giữa Chi nhánh H1 – Công ty Cổ phần Ô và Công ty Cổ phần V2 ký ngày 05/7/2017; Lãi suất cho vay trong hạn và cơ chế điều chỉnh lãi suất được bên Ngân hàng và bên vay thỏa thuận theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của bên vay, được quy định cụ thể trong các khế ước nhận nợ và các văn bản liên quan; Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn) bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- Khế ước nhận nợ số 27717-3576490-01-SME-A ngày 27/7/2026 với số tiền nhận nợ là 672.700.000 đồng; Thời hạn vay theo Khế ước nhận nợ là 60 tháng tính từ ngày 27/7/2017 đến ngày 27/7/2022; Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là lãi suất ưu đãi 7,91%/ năm gồm 365 ngày (Mức lãi suất ưu đãi

được cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay theo khế ước nhận nợ này); Hết thời gian ưu đãi, lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi cuối kỳ của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh + 4%/ năm. Mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/ lần.

- Khế ước nhận nợ số 27717-3576490-01-SME-B ngày 27/7/2017 với số tiền nhận nợ là 184.000.000 đồng; Thời hạn vay theo Khế ước nhận nợ là 36 tháng tính từ ngày 27/7/2017 đến ngày 27/7/2020; Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 16,5%/ năm; Lãi suất cho vay trong hạn được cố định trong vòng 1 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Hết thời hạn 1 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/ lần, biên độ cộng 9%/ năm.

- Hợp đồng cho vay số 300917-3576490-01-SME ngày 02/10/2017 với số tiền cho vay là 816.000.000 đồng; Thời hạn vay là 60 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên của bên vay; Mục đích sử dụng vốn vay để mua 01 xe ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải; Lãi suất cho vay trong hạn và cơ chế điều chỉnh lãi suất được bên Ngân hàng và bên vay thỏa thuận theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của bên vay, được quy định cụ thể trong các khế ước nhận nợ và các văn bản liên quan; Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn) bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả nhưng tối đa không quá 10%/ năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- Khế ước nhận nợ số 021017-3576490-01-SME ngày 09/10/2017 với số tiền nhận nợ là 816.000.000 đồng; Thời hạn cho vay theo Khế ước nhận nợ là 60 tháng tính từ ngày 02/10/2017 đến ngày 02/10/2022; Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là lãi suất ưu đãi 9,43%/ năm gồm 365 ngày (Mức lãi suất ưu đãi được cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay theo khế ước nhận nợ này); Hết thời gian ưu đãi, lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi cuối kỳ của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh + 5,5%/ năm. Mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/ lần.

b. Biện pháp bảo đảm cho khoản vay:

Tài sản bảo đảm khoản vay:

- Theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 250717-3576490-01-SME/TC ngày 27/7/2017, tài sản thế chấp là: 01 xe ô tô tải có mui nhãn hiệu FOTON; Số loại: THACO; Số khung: RNHC2400DHC042848; Số máy: PHASER230TIHC522399BA05; BKS: 29H – 065.42 theo Giấy chứng nhận

đăng ký xe ô tô số 317042 do Phòng C1 – Công an Thành phố H cấp ngày 26/7/2017 đứng tên Công ty Cổ phần V2 Hà Nội.

- Theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 300917-3576490-01-SME/TC ngày 02/10/2017, tài sản thế chấp là: 01 xe ô tô tải có mui nhãn hiệu THACO; Số loại: AUMAN; Số khung: RNHC2400BFC057102; Số máy: PHASER230TIHC517021BA05; BKS: 29H – 068.16 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 402674 do Phòng C1 – Công an Thành phố H cấp ngày 29/9/2017 đứng tên Công ty Cổ phần V2 Hà Nội.

Biện pháp bảo đảm khác:

Theo Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL ngày 27/7/2017, bà Nguyễn Thị H đã đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty Cổ phần V2 Hà Nội trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng cho vay số 250717-3576490-01-SME ngày 27/7/2017 và các Hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa Công ty Cổ phần V2 Hà Nội và V1 bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, kế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

c. Quá trình thực hiện:

Công ty Cổ phần V2 Hà Nội đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V1 kể từ ngày 20/4/2020 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng và Kế ước nhận nợ kèm theo. Tính đến hết ngày 22/7/2026, số tiền Công ty Cổ phần V2 Hà Nội còn nợ nguyên đơn tổng gốc và lãi là: **1.810.141.592 đồng** theo Hợp đồng cho vay số 250717-3576490-01-SME ngày 27/7/2017 và Hợp đồng cho vay số 300917-3576490-01-SME ngày 02/10/2017.

*** Đối với đồng nguyên đơn là Công ty Cổ phần J:**

Quá trình giải quyết vụ án, theo Hợp đồng mua bán nợ số 01/2026/VPB-JUPITER ngày 29/4/2026 và phụ lục số 01 đính kèm giữa Ngân hàng TMCP V (V1) với Công ty Cổ phần J của khách hàng vay Công ty V2 Hà Nội thì Ngân hàng TMCP V (V1) chuyển giao một phần quyền chủ nợ và Công ty Cổ phần J kế thừa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của V1 đối với các khoản nợ đã mua và quyền đối với các tài sản bảo đảm liên quan đến khoản nợ của Công ty Cổ phần V2 Hà Nội.

Để giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 365, Điều 368 Bộ luật dân sự; Khoản 4 Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét thấy cần xác định Công ty Cổ phần J là đồng nguyên đơn trong vụ án Kinh doanh thương mại nêu trên.

Do đó, Tòa án đã ban hành Thông báo về việc thụ lý vụ án và bổ sung người tham gia tố tụng với tư cách là đồng nguyên đơn số 2024A/2026/TB-TLVA

ngày 17/6/2026 để bổ sung Công ty Cổ phần J vào tham gia tổ tụng với tư cách là nguyên đơn trong vụ án Kinh doanh thương mại.

Công ty Cổ phần J đồng ý với toàn bộ ý kiến của đồng nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V (V1) trong quá trình giải quyết vụ án.

d. Yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần J:

Ngày 21/7/2026, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần J có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với các yêu cầu sau:

- Buộc Công ty Cổ phần V2 Hà Nội phải thanh toán số tiền lãi phạt chậm trả tính đến hết ngày 22/7/2026 là: 280.018.209 đồng.

- Yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mại tài sản thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần V2 Hà Nội để thu hồi khoản nợ trong trường hợp tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần J.

Các yêu cầu của nguyên đơn:

1. Yêu cầu Công ty Cổ phần V2 Hà Nội phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty J AMC toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa 2 bên theo tỷ lệ của hai bên. Tính đến hết ngày 22/7/2026, số tiền nợ cụ thể như sau:

*** Số tiền Công ty Cổ phần V2 Hà Nội còn nợ Ngân hàng TMCP V (V1) cụ thể:**

- Theo Hợp đồng cho vay số 250717-3576490-01-SME ngày 27/7/2017:

+ Nợ gốc: 15.930.957 đồng;

+ Nợ lãi trong hạn: 1.130.709 đồng;

+ Nợ lãi quá hạn: 14.915.466 đồng;

Tổng cộng theo Hợp đồng: 31.977.132 đồng

- Theo Hợp đồng cho vay số 300917-3576490-01-SME ngày 02/10/2017:

+ Nợ gốc: 20.400.000 đồng;

+ Nợ lãi trong hạn: 2.180.072 đồng;

+ Nợ lãi quá hạn: 21.948.965 đồng;

Tổng cộng theo Hợp đồng: 44.529.037 đồng

Tổng cộng số tiền Công ty Cổ phần V2 Hà Nội còn nợ Ngân hàng TMCP V (V1) là: 76.506.169 đồng.

*** Số tiền Công ty Cổ phần V2 Hà Nội còn nợ Công ty Cổ phần J cụ thể như sau:**

- Theo Hợp đồng cho vay số 250717-3576490-01-SME ngày 27/7/2017:

+ Nợ gốc: 302.688.176 đồng;

+ Nợ lãi trong hạn: 21.483.467 đồng;

+ Nợ lãi quá hạn: 283.393.860 đồng;

Tổng cộng theo Hợp đồng: 607.565.503 đồng

- Theo Hợp đồng cho vay số 300917-3576490-01-SME ngày 02/10/2017:

+ Nợ gốc: 387.600.000 đồng;

+ Nợ lãi trong hạn: 41.421.375 đồng;

+ Nợ lãi quá hạn: 417.030.336 đồng;

Tổng cộng theo Hợp đồng: 846.051.711 đồng

Tổng cộng số tiền Công ty Cổ phần V2 Hà Nội còn nợ Công ty Cổ phần J là: 1.453.617.214 đồng.

2. Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ, các văn bản tố tụng kèm theo cho đến ngày Công ty Cổ phần V2 Hà Nội thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần J.

3. Yêu cầu Tòa án tuyên trong bản án nội dung: V1 và Công ty Cổ phần J có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho V1 và Công ty Cổ phần J nếu bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V1 và Công ty Cổ phần J, cụ thể như sau:

- 01 xe ô tô tải có mùi nhãn hiệu FOTON; Số loại THACO; Số khung: RNHC2400DHC042848; Số máy: PHASER230TIHC522399BA05; BKS: 29H – 065.42 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 317042 do Công an Thành phố H cấp ngày 26/7/2017 đứng tên Công ty Cổ phần V2 Hà Nội.

- 01 xe ô tô tải có mùi nhãn hiệu THACO; Số loại AUMAN; Số khung: RNHC2400BFC057102; Số máy: PHASER230TIHC517021BA05; BKS: 29H – 068.16 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 402674 do Công an Thành phố H cấp ngày 29/9/2017 đứng tên Công ty Cổ phần V2 Hà Nội.

4. V1 đề nghị Tòa án tuyên trong bản án về việc V1 có quyền yêu cầu bảo lãnh: Bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả nợ thay toàn bộ khoản nợ của Công ty Cổ phần V2 Hà Nội tại V1. Đề nghị xác minh các tài sản của bà Nguyễn Thị H để Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại, thu hồi nợ cho V1 và Công ty Cổ phần J.
*** Đối với bị đơn là Công ty Cổ phần V2 Hà Nội (Người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị H):**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Công ty Cổ phần V2 Hà Nội có đăng ký trụ sở tại địa chỉ số C, ngõ C đường T, phường T, Thành phố Hà Nội. Cán bộ Tòa án đã xuống địa chỉ trụ sở Công ty để tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không gặp được ai, không có ai nhận văn bản tố tụng. Qua làm việc với

đồng chí Cảnh sát khu vực phụ trách địa chỉ nêu trên cho biết: Công ty Cổ phần V2 Hà Nội trước đây có đăng ký trụ sở nhưng hiện nay Công ty không treo biển công ty và không hoạt động tại địa chỉ trên. Hiện nay, không có ai sinh sống hay làm việc tại địa chỉ nêu trên. Do đó, Tòa án không tổng đạt trực tiếp được các văn bản tố tụng cho Công ty.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn là Công ty Cổ phần V2 Hà Nội (Người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị H). Bà H đã có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà H đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, phiên hòa giải, phiên tòa xét xử của Tòa án. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn đúng theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với các tài sản thế chấp của các Hợp đồng vay:

- 01 xe ô tô tải có mui nhãn hiệu FOTON; Số loại THACO; Số khung: RNHC2400DHC042848; Số máy: PHASER230TIHC522399BA05; BKS: 29H – 065.42 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 317042 do Công an Thành phố H cấp ngày 26/7/2017 đứng tên Công ty Cổ phần V2 Hà Nội.

- 01 xe ô tô tải có mui nhãn hiệu THACO; Số loại AUMAN; Số khung: RNHC2400BFC057102; Số máy: PHASER230TIHC517021BA05; BKS: 29H – 068.16 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 402674 do Công an Thành phố H cấp ngày 29/9/2017 đứng tên Công ty Cổ phần V2 Hà Nội.

Tuy nhiên, người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần V2 Hà Nội là bà Nguyễn Thị H trình bày hiện nay không biết các tài sản thế chấp nêu trên đang ở đâu nên không đưa được xe ô tô đến để Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ. Do đó, Tòa án không tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với các tài sản thế chấp được.

*** Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H:**

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H. Bà Nguyễn Thị H đã có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà H xác nhận đã ký Hợp đồng bảo lãnh để bảo lãnh toàn bộ khoản nợ của Công ty Cổ phần V2 Hà Nội tại Ngân hàng TMCP V (V1). Bà H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, phiên hòa giải, phiên

tòa xét xử của Tòa án. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đúng theo quy định của pháp luật.

*** *Tại phiên tòa hôm nay:***

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V (V1) có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đơn khởi kiện và đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 21/7/2026.

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Công ty Cổ phần J giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đơn khởi kiện và đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 21/7/2026.

- Công ty Cổ phần V2 Hà Nội (Người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị H) vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** *Đại diện VKSND khu vực 3 – Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến và đề nghị:***

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã tuân thủ, chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn là Công ty Cổ phần V2 Hà Nội và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề xuất quan điểm giải quyết vụ án:

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần J đối với Công ty Cổ phần V2 Hà Nội (Người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị H).

- Buộc Công ty Cổ phần V2 Hà Nội (Người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị H) phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V (V1) số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến hết ngày 22/7/2026 là **76.506.169 đồng** (Trong đó: Gốc phải trả là 36.330.957 đồng; Lãi trong hạn là 3.310.781 đồng; Lãi quá hạn là 36.864.431 đồng).

- Buộc Công ty Cổ phần V2 Hà Nội (Người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị H) phải thanh toán cho Công ty Cổ phần J số tiền nợ gốc và nợ lãi là **1.453.617.214 đồng** (Trong đó: Gốc phải trả là 690.288.176 đồng; Nợ lãi trong hạn là 62.904.842 đồng; Nợ lãi quá hạn là 700.424.196 đồng).

- Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần J có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho Ngân

hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần J nếu bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần J, cụ thể như sau:

+ 01 xe ô tô tải có mui nhãn hiệu FOTON; Số loại THACO; Số khung: RNHC2400DHC042848; Số máy: PHASER230TIHC522399BA05; BKS: 29H – 065.42 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 317042 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 26/7/2017 đứng tên Công ty Cổ phần V2 Hà Nội.

+ 01 xe ô tô tải có mui nhãn hiệu THACO; Số loại AUMAN; Số khung: RNHC2400BFC057102; Số máy: PHASER230TIHC517021BA05; BKS: 29H – 068.16 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 402674 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 29/9/2017 đứng tên Công ty Cổ phần V2 Hà Nội.

- Trường hợp Công ty Cổ phần V2 Hà Nội không thanh toán, thanh toán không đầy đủ hoặc việc xử lý tài sản bảo đảm của Công ty Cổ phần V2 Hà Nội không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả nợ thay toàn bộ khoản nợ của Công ty. Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần J có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại, thu hồi và xử lý tài sản của bà Nguyễn Thị H để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần J.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc:

+ Yêu cầu Công ty Cổ phần V2 Hà Nội phải thanh toán khoản tiền lãi chậm trả tạm tính đến hết ngày 22/7/2026 với số tiền cụ thể là 280.018.209 đồng.

+ Yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty Cổ phần V2 Hà Nội để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

- Về án phí sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

1.1. Ngân hàng TMCP V (V1) khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần V2 Hà Nội có trụ sở tại địa chỉ số C ngõ C T, phường T, Thành phố Hà Nội thanh toán toàn bộ khoản tiền theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Như vậy, quan hệ pháp luật là “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có trụ sở tại phường T, Thành phố Hà Nội nên căn cứ vào Điều 35, điểm a khoản 1 Điều

39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội.

1.2. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội đã đến địa chỉ trụ sở Công ty Cổ phần V2 Hà Nội (Người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị H) và địa chỉ nơi ở hiện nay của bà Nguyễn Thị H (Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) để tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị H đã có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, bà Nguyễn Thị H có đơn xin giải quyết vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, phiên họp hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Công ty Cổ phần V2 Hà Nội và bà Nguyễn Thị H là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

2.1. Hợp đồng cho vay số 250717-3576490-01-SME ngày 27/7/2017; Khế ước nhận nợ số 27717-3576490-01-SME-A ngày 27/7/2026 và Khế ước nhận nợ số 27717-3576490-01-SME-B ngày 27/7/2026 giữa Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần V2 Hà Nội được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối, nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội, thỏa thuận của các bên về số tiền vay, thời hạn, mục đích, lãi suất vay, lãi suất quá hạn, phương thức trả nợ phù hợp với các quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 117 Bộ luật dân sự thì Hợp đồng được ký kết giữa nguyên đơn với bị đơn có hiệu lực pháp luật. Dựa trên Hợp đồng và Khế ước nhận nợ đã ký kết, Ngân hàng TMCP V (V1) đã giải ngân cho Công ty Cổ phần V2 Hà Nội số tiền là **856.700.000 đồng** (*T5 trăm năm mươi sáu triệu, bảy trăm nghìn đồng*).

Hợp đồng cho vay số 300917-3576490-01-SME ngày 02/10/2017 và Khế ước nhận nợ số 021017-3576490-01-SME ngày 09/10/2017 giữa Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần V2 Hà Nội được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối, nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội, thỏa thuận của các bên về số tiền vay, thời hạn, mục đích, lãi suất vay, lãi suất quá hạn, phương thức trả nợ phù hợp với các quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 117 Bộ luật dân sự thì Hợp đồng được ký kết giữa nguyên đơn với bị đơn có hiệu lực pháp luật. Dựa trên Hợp đồng và Khế ước nhận nợ đã ký kết, Ngân hàng TMCP V (V1) đã giải ngân cho Công ty Cổ phần V2 Hà Nội số tiền là **816.000.000 đồng** (*T5 trăm mười sáu triệu đồng chẵn*).

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Cổ phần V2 Hà Nội đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng TMCP V (V1) kể từ ngày 20/4/2020 và phải

chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng và Khế ước nhận nợ đã ký.

Tính đến hết ngày 22/7/2026, Công ty Cổ phần V2 Hà Nội còn nợ Ngân hàng TMCP V (V1) số tiền là **76.506.169 đồng** (Trong đó: Gốc phải trả là 36.330.957 đồng; Lãi trong hạn là 3.310.781 đồng; Lãi quá hạn là 36.864.431 đồng) và còn nợ Công ty Cổ phần J số tiền là **1.453.617.214 đồng** (Trong đó: Gốc phải trả là 690.288.176 đồng; Nợ lãi trong hạn là 62.904.842 đồng; Nợ lãi quá hạn là 700.424.196 đồng).

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần J rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Công ty Cổ phần V2 Hà Nội phải thanh toán khoản tiền lãi chậm trả tính đến hết ngày 22/7/2026 là 280.018.209 đồng.

Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với các phần yêu cầu này.

Do đó, Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần J khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần V2 Hà Nội phải thanh toán khoản tiền nợ gốc và nợ lãi là có cơ sở để chấp nhận.

2.2. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty Cổ phần V2 Hà Nội phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong các Hợp đồng và các Khế ước nhận nợ đã ký kết kể từ ngày sau ngày xét xử cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần J.

Căn cứ vào các Hợp đồng và Khế ước nhận nợ kèm theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy sự thỏa thuận về tiền lãi của các bên trong Hợp đồng là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp.

2.3. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ:

Tài sản thế chấp cụ thể như sau:

- 01 xe ô tô tải có mui nhãn hiệu FOTON; Số loại THACO; Số khung: RNHC2400DHC042848; Số máy: PHASER230TIHC522399BA05; BKS: 29H – 065.42 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 317042 do Công an Thành phố H cấp ngày 26/7/2017 đứng tên Công ty Cổ phần V2 Hà Nội.

- 01 xe ô tô tải có mui nhãn hiệu THACO; Số loại AUMAN; Số khung: RNHC2400BFC057102; Số máy: PHASER230TIHC517021BA05; BKS: 29H –

068.16 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 402674 do Công an Thành phố H cấp ngày 29/9/2017 đứng tên Công ty Cổ phần V2 Hà Nội.

Xét thấy Hợp đồng thế chấp ô tô giữa nguyên đơn và bị đơn được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không lừa dối; nội dung và hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật; trình tự, thủ tục thế chấp đúng quy định tại các Điều 298, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 321, Điều 322 và Điều 323 Bộ luật dân sự, Luật các tổ chức tín dụng và Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ nên phát sinh hiệu lực. Vì vậy, nếu Công ty Cổ phần V2 Hà Nội không trả được nợ thì Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần J có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án xử lý các tài sản thế chấp.

2.4. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần V2 Hà Nội để thu hồi khoản nợ trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần V2 Hà Nội để thu hồi khoản nợ trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ để chấp nhận.

2.5. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bảo lãnh:

Bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả nợ thay toàn bộ khoản nợ của Công ty Cổ phần V2 Hà Nội tại Ngân hàng TMCP V (V1) và yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại, thu hồi và xử lý các tài sản thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị H để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần J.

Xét thấy Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL ngày 27/7/2017 được ký kết giữa nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V (V1) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối, nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội, thỏa thuận của các bên phù hợp với các quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 117 Bộ luật dân sự thì Hợp đồng được ký kết giữa nguyên đơn với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có hiệu lực pháp luật.

Tại Điều 1 của các Hợp đồng bảo lãnh, bên bảo lãnh đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh (Công ty Cổ phần V2 Hà Nội) trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của bên được bảo lãnh đối với Ngân hàng P từ các văn kiện tín dụng được ký kết giữa bên được bảo lãnh (Công ty Cổ phần V2 Hà Nội) với Ngân hàng, cụ thể là tất cả các phụ lục, văn bản sửa đổi bổ sung, các khế ước nhận nợ và các văn bản liên quan được ký kết giữa hai bên.

Căn cứ vào nghĩa vụ của bên bảo lãnh, quyền của bên ngân hàng trong Hợp đồng bảo lãnh, Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần J yêu cầu bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả nợ thay toàn bộ khoản nợ của Công ty Cổ phần V2 Hà Nội tại Ngân hàng TMCP V (V1) và yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại, thu hồi và xử lý các tài sản thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị H để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần J trong trường hợp Công ty Cổ phần V2 Hà Nội không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần J là có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Về án phí:

- Bị đơn phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với số tiền mà yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần J được chấp nhận.

- Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 117; Điều 119; Điều 280; Điều 292; Điều 298; Điều 299; Điều 317; Điều 318; Điều 319; Điều 320; Điều 321; Điều 322; Điều 323; Điều 351; Điều 357; Điều 385; Điều 386; Điều 398; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 90; Điều 91; Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 8; Điều 22 và Điều 49 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Yêu cầu Công ty Cổ phần V2 Hà Nội phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần J AMC khoản tiền lãi chậm trả tính đến hết ngày 22/7/2026 với số tiền cụ thể là **280.018.209 đồng**.

- Yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mại tài sản thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần V2 Hà Nội để thu hồi khoản nợ trong trường hợp tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần J.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần J đối với bị đơn là Công ty Cổ phần V2 Hà Nội (Người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị H):

* Buộc Công ty Cổ phần V2 Hà Nội (Người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị H) phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V (V1) dư nợ gốc, nợ lãi tính đến hết ngày 22/7/2026 là **76.506.169 đồng (Bảy mươi sáu triệu, năm trăm linh sáu nghìn, một trăm sáu mươi chín đồng)**. Trong đó:

- Theo Hợp đồng cho vay số 250717-3576490-01-SME ngày 27/7/2017:

+ Nợ gốc: 15.930.957 đồng;

+ Nợ lãi trong hạn: 1.130.709 đồng;

+ Nợ lãi quá hạn: 14.915.466 đồng;

Tổng cộng theo Hợp đồng cho vay số 250717-3576490-01-SME ngày 27/7/2017 là 31.977.132 đồng (Ba mươi một triệu, chín trăm bảy mươi bảy nghìn, một trăm ba mươi hai đồng).

- Theo Hợp đồng cho vay số 300917-3576490-01-SME ngày 02/10/2017:

+ Nợ gốc: 20.400.000 đồng;

+ Nợ lãi trong hạn: 2.180.072 đồng;

+ Nợ lãi quá hạn: 21.948.965 đồng;

Tổng cộng theo Hợp đồng cho vay số 300917-3576490-01-SME ngày 02/10/2017 là 44.529.037 đồng (Bốn mươi bốn triệu, năm trăm hai mươi chín đồng, không trăm ba mươi bảy đồng).

* Buộc Công ty Cổ phần V2 Hà Nội (Người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị H) phải thanh toán cho Công ty Cổ phần J dư nợ gốc, nợ lãi tính

đến hết ngày 22/7/2026 là **1.453.617.214 đồng (Một tỷ, bốn trăm năm mươi ba triệu, sáu trăm mười bảy nghìn, hai trăm mười bốn đồng)**. Trong đó:

- **Theo Hợp đồng cho vay số 250717-3576490-01-SME ngày 27/7/2017:**

+ Nợ gốc: 302.688.176 đồng;

+ Nợ lãi trong hạn: 21.483.467 đồng;

+ Nợ lãi quá hạn: 283.393.860 đồng;

Tổng cộng theo Hợp đồng cho vay số 250717-3576490-01-SME ngày 27/7/2017 là 607.565.503 đồng (Sáu trăm linh bảy triệu, năm trăm sáu mươi lăm nghìn, năm trăm linh ba đồng).

- **Theo Hợp đồng cho vay số 300917-3576490-01-SME ngày 02/10/2017:**

+ Nợ gốc: 387.600.000 đồng;

+ Nợ lãi trong hạn: 41.421.375 đồng;

+ Nợ lãi quá hạn: 417.030.336 đồng;

Tổng cộng theo Hợp đồng cho vay số 300917-3576490-01-SME ngày 02/10/2017 là 846.051.711 đồng (Tám trăm bốn mươi sáu triệu, không trăm năm mươi một nghìn, bảy trăm mười một đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngay sau ngày xét xử, Công ty Cổ phần V2 Hà Nội (Người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị H) còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong các Hợp đồng và các Khế ước nhận nợ đã ký kết.

Trường hợp Công ty Cổ phần V2 Hà Nội (Người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị H) không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần J thì Ngân hàng TMCP V (V1) hoặc/ và Công ty Cổ phần J có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần J, cụ thể như sau:

- **01 xe ô tô tải có mui nhãn hiệu FOTON; Số loại THACO; Số khung: RNHC2400DHC042848; Số máy: PHASER230TIHC522399BA05; BKS: 29H – 065.42 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 317042 do Công an Thành phố H cấp ngày 26/7/2017 đứng tên Công ty Cổ phần V2 Hà Nội.**

- **01 xe ô tô tải có mui nhãn hiệu THACO; Số loại AUMAN; Số khung: RNHC2400BFC057102; Số máy: PHASER230TIHC517021BA05; BKS: 29H – 068.16 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 402674 do Công an Thành phố H cấp ngày 29/9/2017 đứng tên Công ty Cổ phần V2 Hà Nội.**

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần J thì Công ty Cổ phần V2 Hà Nội (Người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn

Thị H) vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán hết toàn bộ khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần J.

Trường hợp Công ty Cổ phần V2 Hà Nội (Người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị H) không thanh toán, thanh toán không đầy đủ hoặc việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần J thì bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả nợ thay toàn bộ khoản nợ của Công ty Cổ phần V2 Hà Nội đối với Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần J.

Trường hợp bà Nguyễn Thị H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ của Công ty Cổ phần V2 Hà Nội thì Ngân hàng TMCP V (V1) hoặc/ và Công ty Cổ phần J có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại, xử lý tài sản của bà Nguyễn Thị H để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty Cổ phần J.

3. Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần V2 Hà Nội (Người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị H) phải chịu số tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là 57.903.701 đồng (*Năm mươi bảy triệu, chín trăm linh ba nghìn, bảy trăm linh một đồng*).

- Ngân hàng TMCP V (V1) được trả lại số tiền 31.000.000 đồng (*Ba mươi một triệu đồng chẵn*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0020917 ngày 23/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 36, Điều 71 và Điều 72 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 3 – Hà Nội;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lại